

Tủ Đứng Đặt sàn

FXLQ-MA

Phù hợp cho điều hòa không khí xung quanh phòng



- Tủ đứng đặt sàn có thể được treo trên tường để thuận tiện cho việc lau chùi. Do ống được kết nối phía sau máy nên có thể treo máy lên tường. Việc lau chùi bên dưới máy nơi dễ bám bụi được thực hiện dễ dàng hơn.
- Bề mặt miệng gió ít xơ sợi là nét đặc trưng của thiết kế ban đầu, giúp chống lại hiện tượng đọng sương cũng như tránh được sự loang màu và dễ lau chùi hơn.
- Phin lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm*) là phụ kiện tiêu chuẩn.

* 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³

Thông số kỹ thuật

MODEL			FXLQ20MAVE	FXLQ25MAVE	FXLQ32MAVE	FXLQ40MAVE	FXLQ50MAVE	FXLQ63MAVE
Nguồn điện			1 pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất lạnh		Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
		kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Công suất sưởi		Btu/h	8,500	10,900	13,600	17,100	21,500	27,300
		kW	2.5	3.2	4.0	5.0	6.3	8.0
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	0.049		0.090		0.110	
	Sưởi	kW	0.049		0.090		0.110	
Vỏ máy			Trắng ngà (5Y7.5/1)					
Lưu lượng gió (Cao / Thấp)		m³/phút	7/6		8/6	11/8.5	14/11	16/12
		cfm	247/212		282/212	388/300	494/388	565/424
Độ ồn (Cao / Thấp)	220 V	dB(A)	35/32			38/33	39/34	40/35
	240 V		37/34			40/35	41/36	42/37
Kích thước (C x R x D)		mm	600x1,000x222		600x1,140x222		600x1,420x222	
Trọng lượng máy		kg	25		30		36	
Ống kết nối	Lỏng (Loe)	mm	ø 6.4					ø 9.5
	Hơi (Loe)		ø 12.7					ø 15.9
	Nước xả		Đường kính ngoài 21					

Ghi chú: Điều kiện thử nghiệm và xác định các thông số hoạt động của hệ thống tuân theo tiêu chuẩn ISO15042 để xác định các thông số hoạt động của hệ thống điều hòa trung tâm

Các thông số kỹ thuật được đưa trên những điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ bên trong: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ bên ngoài: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Sưởi: Nhiệt độ bên trong: 20°CDB, Nhiệt độ bên ngoài: 7°CDB, 6°CWB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh dựa trên tổng công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện, phòng không dội âm. Vị trí đo phía trước cách trung tâm máy 1m và phía dưới 1m.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh.

Tủ Đứng Đặt Sàn Giấu Tường

FXNQ-MA

Được thiết kế để ẩn giấu vào các vách tường



- Máy được ẩn giấu hoàn toàn theo hộp vách ván chân tường, mang lại không gian nội thất cao cấp.
- Các đầu ống nối hướng xuống thuận tiện rất nhiều cho việc thi công.
- Bộ lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm*) là phụ kiện tiêu chuẩn..
 - * 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³

Thông số kỹ thuật

MODEL			FXNQ20MAVE	FXNQ25MAVE	FXNQ32MAVE	FXNQ40MAVE	FXNQ50MAVE	FXNQ63MAVE
Nguồn điện			1 pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất lạnh		Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
		kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Công suất sưởi		Btu/h	8,500	10,900	13,600	17,100	21,500	27,300
		kW	2.5	3.2	4.0	5.0	6.3	8.0
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	0.049			0.090		0.110
	Sưởi	kW	0.049			0.090		0.110
Vỏ máy			Thép mạ kẽm					
Lưu lượng gió (Cao / Thấp)		m³/phút	7/6	7/6	8/6	11/8.5	14/11	16/12
		cfm	247/212	247/212	282/212	388/300	494/388	565/424
Độ ồn (Cao / Thấp)	220 V	dB(A)	35/32			38/33	39/34	40/35
	240 V		37/34			40/35	41/36	42/37
Kích thước (C x R x D)		mm	610x930x220		610x1,070x220		610x1,350x220	
Trọng lượng máy		kg	19.0		23.0		27.0	
Ống kết nối	Lồng (Loe)	mm	φ 6.4					φ 9.5
	Hơi (Loe)		φ 12.7					φ 15.9
	Nước xả		Đường kính ngoài 21					

Ghi chú: Điều kiện thử nghiệm và xác định các thông số hoạt động của hệ thống tuân theo tiêu chuẩn ISO15042 về xác định các thông số hoạt động của hệ thống điều hòa trung tâm

Các thông số kỹ thuật được dựa trên những điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ bên trong: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ bên ngoài: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Sưởi: Nhiệt độ bên trong: 20°CDB, Nhiệt độ bên ngoài: 7°CDB, 6°CWB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh dựa trên tổng công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện, phòng không dội âm. Vị trí đo phía trước cách trung tâm máy 1m và phía dưới 1m.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh.